

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1564/CBTT-CISCO

Cao Bằng, ngày 29 tháng 8 năm 2024

V/v công bố thông tin hợp đồng, giao dịch
với người có liên quan

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Mã chứng khoán: CBI

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 052 Kim Đồng, p.Hợp Giang, tp.Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Địa chỉ liên hệ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, tp. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Điện thoại: 0206 3953 369

- E-mail: gangthepcb@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố: Ngày 29 / 8 /2024 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng ban hành Nghị quyết số 1560 /NQ-CISCO ngày 29/8/2024 về việc thông qua giao dịch/hợp đồng Kinh tế mua/bán than cốc năm 2024 - 2025 với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <https://gtcb.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số: 1560 /NQ-HĐQT
ngày 29/ 8/2024.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phương

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1560/NQ-CISCO

Cao Bằng, ngày 09 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v thông qua giao dịch/hợp đồng Kinh tế mua/bán than cốc năm 2024 - 2025
với Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số: 856/QĐ-GTCB ngày 21/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 682/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty CP Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ ý kiến thống nhất tại Biên bản họp HĐQT số: 16/BB-HĐQT ngày 26/8/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua/chấp thuận giao dịch/hợp đồng Kinh tế mua/bán than cốc năm 2024 - 2025 với Tổng công ty Khoáng sản - TKV - CTCP theo tờ trình của Giám đốc Công ty.

(Có hợp đồng mẫu kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Công ty ký kết, triển khai thực hiện giao dịch/hợp đồng tại Điều 1 phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Quốc Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DƯ THẢO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN CỐC
Số: /VIMICO - CISCO/2024

Căn cứ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-VIMICO ngày / /2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 - Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày / /2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 - Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-VIMICO ngày.../.../2024 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty khoáng sản TKV – CTCP.

Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại trụ sở, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN: TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

(Sau đây gọi/viết tắt là “**Bên A hoặc VIMICO**”)

Địa chỉ : Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 0462 876666

; Fax: 0462883333

Mã số thuế : 0100103087.

- Tài khoản số : 112000054351, tại Vietinbank - Chi nhánh Hai Bà Trưng

- Tài khoản số : 1600073585, tại BIDV - Chi nhánh Sở giao dịch 3

- Tài khoản số : 0021000243133, tại Vietcombank - Chi nhánh Hà Nội

- Tài khoản số : 0571104010005, tại MB Bank - Chi nhánh Hoàn Kiếm

- Tài khoản số : 170114851000017, EximBank - Chi nhánh Long Biên, Hà Nội.

- Tài khoản số : 4522666888, tại VP Bank

Người đại diện: Ông **Trịnh Văn Tuệ**

Chức vụ: Tổng giám đốc.

BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

(Sau đây gọi/viết tắt là “**Bên B hoặc CISCO**”)

Địa chỉ : 52 Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Điện thoại : 0206.3953.369

Fax: 0206.3953.268

Mã số thuế : 4800162247

- Tài khoản số : 33010000017892, tại BIDV, Chi nhánh Cao Bằng.

- Tài khoản số : 35256660666666, tại MB Bank, Chi nhánh Hoàn Kiếm.

- Tài khoản số : 39476789, tại VP Bank.

Người đại diện: Ông **Nguyễn Văn Phương**

Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất, tự nguyện ký kết Hợp đồng mua bán than cốc luyện kim (sau đây gọi/viết tắt là “Hợp đồng”) với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Hàng hóa mua bán

1. Tên hàng hóa: Than cốc luyện kim (sau đây gọi/viết tắt là “COKE”).
2. Nguồn gốc, xuất xứ: COKE được sản xuất hợp pháp tại Việt Nam và/hoặc được sản xuất tại nước ngoài, nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam. COKE cung cấp phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ (Ghi rõ Quốc gia, vùng lãnh thổ).
3. Quy cách, chất lượng COKE:
 - 3.1. Quy cách đóng gói: Hàng để rời, không bao bì.
 - 3.2. Chất lượng hàng hóa: COKE phải đáp ứng các yêu cầu về Tiêu chuẩn chất lượng quy định trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Tiêu chuẩn chất lượng COKE

| STT | Tên thành phần | Ký hiệu | ĐVT | Yêu cầu | Xác định theo... |
|-----|------------------------------|---------|-----|-------------|------------------|
| 1 | Các bon cố định | FC | % | $\geq 83,5$ | Tấn khô |
| 2 | Lưu huỳnh | S | % | $\leq 0,8$ | Tấn khô |
| 3 | Độ tro | A | % | $\leq 13,5$ | Tấn khô |
| 4 | Độ bốc | V | % | $\leq 1,8$ | Tấn khô |
| 5 | Độ ẩm tự nhiên | W | % | ≤ 7 | Tấn thực tế |
| 6 | Cỡ hạt 25 ÷ 80 mm | ϕ | % | ≥ 90 | Tấn khô |
| 6.1 | Cỡ hạt < (nhỏ hơn) 25 mm | ϕ | % | < 5 | Tấn khô |
| 6.2 | Cỡ hạt 25 ÷ 40mm | ϕ | % | < 20 | Tấn khô |
| 6.3 | Cỡ hạt > (lớn hơn) 80 mm | ϕ | % | < 5 | Tấn khô |
| 7 | Cường độ quay | M40 | % | ≥ 76 | Tấn khô |
| 8 | Cường độ chống vỡ | M25 | % | ≥ 88 | Tấn khô |
| 9 | Cường độ rơi | M10 | % | $\leq 8,5$ | Tấn khô |
| 10 | Độ bền cốc sau phản ứng | CSR | % | ≥ 60 | Tấn khô |
| 11 | Chỉ số khả năng phản ứng cốc | CRI | % | ≤ 30 | Tấn khô |

Ghi chú: Trong bảng trên ký hiệu \leq là nhỏ hơn hoặc bằng; ký hiệu \geq là lớn hơn hoặc bằng; ký hiệu $<$ là nhỏ hơn; ký hiệu $>$ là lớn hơn; ký hiệu $+$ là đến; Quy khô/quy độ ẩm 0% là khối lượng đã trừ ẩm tự nhiên (đã trừ khối lượng nước bám dính trong COKE); tấn thực tế là khối lượng COKE thực tế qua cân (bao gồm cả ẩm tự nhiên).

4. Khối lượng mua bán và thời gian cung cấp:

- 4.1. Khối lượng mua bán tạm tính: **100.000 tấn quy khô (quy độ ẩm 0%)**.
- 4.2. Khối lượng mua bán thực tế thực hiện: Theo nhu cầu thực tế sản xuất của CISCO và phù hợp khả năng VIMICO mua được từ Nhà cung cấp. Khối lượng mua bán cụ thể hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo đặt hàng của CISCO và phù hợp khả năng VIMICO mua được từ các Nhà cung cấp.
- 4.3. Thời gian cung cấp: Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết 30/06/2025 hoặc đến khi Bên B tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (tùy thuộc điều kiện nào đến sau). Thời gian cung cấp cụ thể theo đơn đặt hàng của Bên

B và phù hợp khả năng Bên A mua được từ Nhà cung cấp.

Điều 2. Giá cả mua bán hàng hóa

1. Giá cả mua bán tại thời điểm hai Bên (A&B) ký kết hợp đồng:

1.1. Đơn giá tạm tính (chưa bao gồm thuế GTGT nhưng đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí khác - nếu có); giao hàng tại kho Bên B (địa chỉ:.....) là **10.000.000 đồng/tấn COKE quy khô** (Mười triệu đồng trên tấn COKE quy khô).

1.2. Giá trị Hợp đồng tạm tính (đã bao gồm 10% thuế GTGT và các loại thuế, phí, lệ phí khác - nếu có); giao hàng kho Bên B (địa chỉ:.....):

Giá trị hàng hóa: $100.000 \text{ tấn} \times 10.000.000 \text{ đ/tấn} = 1.000.000.000.000 \text{ đồng}$

Tiền Thuế GTGT (10%) $= 100.000.000.000 \text{ đồng}$

Giá trị Hợp đồng tạm tính $= 1.100.000.000.000 \text{ đồng}$

(Bằng chữ: Một nghìn, một trăm tỷ đồng.)

2. Giá cả mua bán hàng hóa chính thức:

2.1. Đơn giá mua bán chính thức:

2.1.1. Giá mua bán COKE thuộc hợp đồng được tính theo giá cả thị trường tại từng thời điểm thực tế phát sinh giao dịch mua bán + (trừ) chi phí thương mại (chi phí tổ chức đấu thầu/chào giá, tham gia đấu giá,...) - nếu có liên quan đến hợp đồng này. Chi phí thương mại (nếu có) được cộng vào giá mua bán các lô hàng giao nhận từng tháng hoặc từng quý hoặc khi kết thúc năm tài chính hoặc khi quyết toán hợp đồng.

2.1.2. Giá cả thị trường được xác định theo các hình thức sau:

Giá mua bán COKE (thuộc hợp đồng này) là giá Bên A mua COKE để cung cấp cho Bên B (theo hợp đồng này) từ Nhà cung cấp. Đơn giá này được xác định trên cơ sở kết quả Bên A tổ chức mua sắm (lựa chọn Nhà cung cấp) theo hình thức đấu thầu, chào giá,... Phù hợp quy định của Luật Đấu thầu hoặc Quy chế quản lý vật tư/Quy trình quản lý, thực hiện công tác vật tư do HĐQT/Tổng giám đốc VIMICO ban hành (bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, thay thế sau khi hai Bên ký kết hợp đồng này - nếu có).

3. Giá trị hợp đồng chính thức của Hợp đồng được xác định cụ thể theo khối lượng giao nhận, đơn giá chính thức và chất lượng thực tế của các lô hàng giao nhận thuộc Hợp đồng này và hợp đồng giữa Bên A và Bên C.

Điều 3. Giao nhận hàng hóa mua bán

1. Đơn vị giao hàng: Là Bên A hoặc là các Nhà cung cấp bán COKE cho Bên A để Bên A bán lại cho Bên B theo hợp đồng này (sau đây gọi/viết tắt là "**Bên C/Nhà cung cấp/NCC**") tại từng lần Bên A tổ chức mua sắm thành công và được thể hiện tại Hợp đồng mua bán giữa Bên A và Bên C. Trong trường hợp này, Hợp đồng mua bán được ký kết giữa Bên A và Bên C gửi cho Bên B được hiểu/ coi như là Phụ lục không tách rời của hợp đồng này (ngoại trừ những nội dung, điều khoản xung đột lợi ích với nội dung, điều khoản quy định tại hợp đồng này và/hoặc đơn đặt hàng của Bên B).

2. Hàng hóa giao nhận: Theo tình trạng thực tế của COKE Bên A (hoặc Bên C - theo chỉ định của Bên A) giao cho Bên B tại kho của Bên B.

3. Địa điểm giao/nhận hàng hóa: Tại kho của Bên B ở Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng (địa chỉ: Km7, quốc lộ 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng).

4. Phương thức giao/nhận: COKE giao nhận trên phương tiện vận tải của Bên A (hoặc Bên C - theo chỉ định của Bên A). Bên B chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và

trả chi phí bốc xếp, vận chuyển COKE vào kho.

5. Tiến độ giao nhận: Hàng hóa được cung cấp, giao nhận thành nhiều đợt/nhiều lô phù hợp với nhu cầu thực tế sản xuất của CISCO; khối lượng, tiến độ cung cấp, giao nhận từng đợt/từng lô theo đặt hàng của CISCO và phù hợp khả năng đáp ứng của VIMICO/của Nhà cung cấp tại từng thời điểm Bên A tổ chức mua sắm thành công.

6. Xác định khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận:

6.1. Xác định khối lượng COKE ướt thực tế giao nhận:

Bảng cân ô tô điện tử của CISCO đặt tại địa điểm giao nhận; Khối lượng hàng hóa giao nhận được thể hiện bằng Biên bản giao nhận được lập, ký kết giữa Đại diện giao nhận hàng của Bên A (hoặc Bên C - theo chỉ định của Bên A) và Bên B. Trường hợp cân tại địa điểm giao nhận hàng bị hỏng đột xuất thì sẽ lựa chọn trạm cân khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để cân xác định khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận; chi phí cân hàng trong trường hợp này (nếu có) do Bên B chi trả.

Khối lượng hàng hóa thực tế giao nhận (**COKE ướt**) = (bảng) khối lượng cả xe và COKE (đvt: tấn/tạ/kg) - (trừ) khối lượng xe (đvt: tấn/tạ/kg).

6.2. Xác định khối lượng COKE quy khô (quy độ ẩm 0%) thực tế giao nhận:

Khối lượng COKE mua bán là khối lượng COKE quy khô (quy độ ẩm 0%) thực tế giao nhận. Khối lượng COKE quy khô (quy độ ẩm 0%) = (Bảng) Khối lượng COKE ướt (đvt: tấn/tạ/kg) - (trừ) khối lượng nước (% H₂O) có trong COKE (đvt: tấn/tạ/kg).

COKE khô (độ ẩm 0%) = COKE (ướt) - (trừ) COKE (ướt) × (nhân) % H₂O

Độ ẩm thực tế của hàng hóa (% H₂O) là tỷ lệ nước (biểu thị bằng % khối lượng) bám dính trong COKE. Độ ẩm thực tế của hàng hóa được Tổ chức giám định độc lập và/hoặc đại diện hai Bên cùng lấy mẫu, phân tích xác định và được thể hiện, xác nhận bằng **Biên bản xác định độ ẩm** (hoặc văn bản có ý nghĩa, giá trị pháp lý tương tự).

7. Thời gian giao nhận hàng hóa: Thời gian giao nhận hàng hóa cụ thể hàng ngày (kể cả giao nhận vào ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, tết - nếu cần thiết) sẽ được đại diện giao nhận hàng của hai Bên (Bên B & Bên A và/hoặc Bên C) trao đổi trực tiếp và thống nhất thực hiện.

8. Tiến độ giao nhận hàng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hợp đồng chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 10 Hợp đồng.

9. Lô hàng: Khối lượng COKE mua bán thuộc hợp đồng này được giao nhận thành nhiều đợt, nhiều lô hàng; khối lượng 01 (một) lô khoảng **1.250 +/- (cộng hoặc trừ) 10% tấn quy khô** (quy độ ẩm 0%). Khối lượng giao nhận cụ thể mỗi lô hàng (kể cả nằm ngoài khoảng 1.250 +/- 10%) do Bên B và Bên A (hoặc Bên C - theo chỉ định của Bên A) trao đổi trực tiếp (hoặc trao đổi qua điện thoại, tin nhắn SMS, gmail,...) trên cơ sở phù hợp thực tế sản xuất, nhu cầu COKE của CISCO và khả năng cung cấp, giao hàng của Bên A (hoặc Bên C) để thống nhất thực hiện.

Điều 4. Kiểm định chất lượng hàng hóa giao nhận

1. **Chất lượng COKE** giao nhận được thể hiện qua kết quả lấy mẫu, phân tích xác định các chỉ tiêu quy cách, chất lượng yêu cầu nêu tại Điều 1 Hợp đồng.

2. **Chất lượng COKE** được lấy mẫu, phân tích xác định các chỉ tiêu quy cách, chất lượng và nghiệm thu, quyết toán theo từng lô hàng giao nhận.

3. Việc lấy mẫu, phân tích xác định các chỉ tiêu quy cách, chất lượng từng đợt/từng lô hàng giao nhận thuộc hợp đồng sẽ do 01 (một) hoặc nhiều tổ chức giám định độc lập có chức năng, năng lực giám định COKE đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện

tại địa điểm giao nhận hàng. Tổ chức giám định độc lập sẽ do CISCO lựa chọn, chỉ định và thông báo cho Bên A cùng với đơn đặt hàng hoặc trước khi Bên A lập Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ mời chào giá,... Để công khai cho các Nhà cung cấp biết.

4. Việc sàng, xác định cỡ hạt của COKE sẽ được hai Bên cùng phối hợp với Tổ chức giám định độc lập (nếu cần) thực hiện ngay tại địa điểm giao hàng.

5. Quy trình giám sát cân đong, quy trình lấy mẫu và phân tích mẫu:

Bản sao y bản chính quy trình giám sát cân đong và quy trình lấy mẫu và phân tích mẫu (xác định độ ẩm, cỡ hạt và phân tích chất lượng hàng hóa) của Tổ chức giám định độc lập được ghi trong hợp đồng giám định giữa Bên B và Tổ chức giám định độc lập; đồng thời được giao cho Bên A cùng với đơn đặt hàng hoặc trước khi Bên A lập Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ mời chào giá,... Để công khai cho các Nhà cung cấp biết trước khi tham gia dự thầu, tham gia chào giá.

6. Chi phí giám định chất lượng COKE sẽ do Bên B và Bên A (hoặc Bên C) chịu trách nhiệm chi trả theo tỷ lệ 50/50. Bên B sẽ tạm ứng chi trả 100% chi phí giám định cho Tổ chức giám định độc lập và Bên A (hoặc Bên C) sẽ hoàn trả cho Bên B 50% chi phí giám định bằng hình thức chuyển khoản và/hoặc trừ vào giá trị COKE mua bán đã được Bên B nghiệm thu, quyết toán.

Điều 5. Thanh toán

1. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (“VND/VNĐ”)

2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản và/hoặc Bằng bù trừ công nợ giữa hai Bên (A & B) và/hoặc Bù trừ công nợ giữa 3 Bên (A & B & C).

4. Tiến độ thanh toán: Trong vòng 45 ngày, kể từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu, quyết toán giá trị lô COKE giao nhận.

5. Bên B cam kết bán cho Bên A trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tối thiểu 100.000 tấn (trung bình $8.000 \pm 5\%$ tấn/tháng) phối thép đạt tiêu chuẩn thương phẩm theo giá thỏa thuận giữa hai Bên trên cơ sở giá thị trường hiện hành hoặc gần nhất đã biết có cùng điều kiện giao nhận và thanh toán (hoặc được quy đổi về cùng cùng điều kiện giao nhận và thanh toán) để đảm bảo đối trừ 100% công nợ với tiền mua than cốc thuộc Hợp đồng này.

6. Trường hợp vì lý do nào đó mà đến ngày thứ 75 (bảy mươi lăm) kể từ ngày hóa đơn cho một lô hàng than cốc nào đó mà tổng giá trị lũy kế của lượng phối thép (hoặc gang) do Bên B cung cấp cho Bên A để bù trừ công nợ theo Hợp đồng này thấp hơn tổng giá trị lũy kế của lượng than cốc Bên A đã cung cấp thì Bên B phải chịu lãi suất phạt chậm trả 0,6%/tháng lãi suất chậm trả, nhưng tối đa không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán.

7. Hóa đơn: Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B sau khi hai Bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao số lượng và chất lượng của lô hàng.

Điều 6. Trách nhiệm của các Bên

1. Trách nhiệm của Bên A:

- Thông báo kịp thời cho Bên B về Hợp đồng với Bên C.
- Bảo đảm giao hàng hóa đúng số lượng, chất lượng và thời gian đã thỏa thuận.
- Phối hợp với Bên B đôn đốc Bên C nhận lại lượng COKE không đảm bảo yêu cầu quy cách, chất lượng bị Bên B từ chối nhận hàng hoặc trả lại hàng đã nhận vào cuối mỗi ngày giao nhận (nếu có).
- Phối hợp với Bên B đôn đốc Bên C giao bổ sung COKE đáp ứng yêu cầu quy cách, chất lượng cho đủ số lượng và trong thời hạn theo Thông báo của Bên A/Bên B (nếu có).

2. Trách nhiệm của Bên B:

- Định kỳ, không muộn hơn ngày 20 hàng tháng (nếu rơi vào ngày nghỉ thì chuyển sang ngày làm việc liền sau ngày 20) Bên B gửi thông báo cho Bên A về kế hoạch nhu cầu COKE tháng liền sau (nội dung bao gồm: Khối lượng COKE tồn kho dự kiến đến hết tháng, kế hoạch sản xuất, nhu cầu COKE, đơn đặt hàng cung cấp COKE phục vụ sản xuất tháng sau...). Tự chịu trách nhiệm nếu thiếu COKE đảm bảo sản xuất liên tục do Bên B không thông báo, đặt hàng kịp thời dẫn tới Bên A không thể mua sắm kịp COKE để cung cấp cho Bên B.

- Định kỳ trước ngày 20 (nếu rơi vào ngày nghỉ thì chuyển sang ngày làm việc liền sau ngày 20) tháng cuối quý, Bên B gửi thông báo cho Bên A về kế hoạch sản xuất, nhu cầu COKE quý sau (nội dung bao gồm: Khối lượng COKE tồn kho dự kiến khi kết thúc tháng cuối quý, kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng COKE, đơn đặt hàng cung cấp COKE phục vụ sản xuất quý sau...).

- Xác định và thông báo giá trần mua sắm COKE khi Bên A yêu cầu. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về giá trần do mình xác định, thông báo cho Bên A; đồng thời, tự chịu trách nhiệm nếu thiếu COKE đảm bảo sản xuất liên tục do Bên B xác định giá trần không phù hợp thị trường dẫn tới Bên A không thể mua sắm được COKE để cung cấp cho Bên B.

- Lựa chọn, ký kết hợp đồng với Tổ chức giám định độc lập đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật có liên quan và gửi thông báo kèm Quy trình giám sát cân đong, quy trình lấy mẫu và phân tích mẫu cho Bên A trước khi Bên A lập Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ chào giá,... Mua sắm COKE để cung cấp cho Bên B theo hợp đồng này.

- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, các phương tiện cân, kiểm tra chất lượng hàng hóa, kho bãi nhận hàng.

- Đảm bảo việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên A.

Điều 7. Ủy quyền và nhận ủy quyền

1. Trong trường hợp Bên A ký hợp đồng mua bán COKE với Bên C để bán lại cho Bên B theo hợp đồng này thì Bên A ủy quyền và CISCO nhận ủy quyền thực hiện:

1.1. Trực tiếp liên hệ và tổ chức giao nhận hàng hóa mua bán thuộc hợp đồng này với Bên C theo quy định Hợp đồng giữa Bên A và Bên C.

1.2. Hướng dẫn, quản lý người đại diện giao hàng của Bên C bao gồm cả người được Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) khi vào khu vực giao nhận hàng thuộc quyền quản lý của CISCO;

1.3. Phối hợp với Bên C huấn luyện nội quy, an toàn lao động và yêu cầu đại diện giao hàng của Bên C (bao gồm cả người được Bên C thuê vận chuyển hàng hóa - nếu có) tuân thủ đúng các quy định và hướng dẫn của CISCO khi vào khu vực giao nhận hàng; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và mọi rủi ro có liên quan nếu vi phạm quy định gây tai nạn thiệt hại cho chính bản thân mình hoặc người, tài sản của Bên khác; nếu vi phạm quy định dẫn đến gây tai nạn thiệt hại cho người, tài sản của CISCO hoặc của Bên thứ 3 khác thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó;

1.4. Tổ chức bốc xếp hàng hóa khỏi phương tiện vận chuyển nhanh chóng, kịp thời giải phóng phương tiện vận chuyển cho Bên A (hoặc Bên C

1.5. Phối hợp với Bên C để giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình giao nhận hàng hóa và/hoặc thực hiện các nội dung được VIMICO ủy quyền;

1.6. Cùng Bên C, Tổ chức giám định độc lập cân, ghi chép, tổng hợp, đối chiếu, lập, ký hồ sơ giao nhận hàng hóa (Phiếu cân, Phiếu nhập kho, Biên bản giao nhận hàng hóa hàng ngày, Biên bản tổng hợp khối lượng giao nhận từng lô hàng) với Bên C;

1.7. Cùng Tổ chức giám định độc lập và Bên C lấy, gia công, phân chia mẫu theo quy định của Hợp đồng này và Hợp đồng giữa Bên A và Bên C.

1.8. Cùng Bên C giám sát Tổ chức giám định độc lập lấy mẫu, phân tích xác định độ ẩm, quy cách, chất lượng hàng hóa giao nhận và lập, ký xác nhận Biên bản xác độ ẩm hàng hóa thực tế giao nhận theo quy định của Hợp đồng này và Hợp đồng giữa Bên A và Bên C;

1.9. Tiếp nhận, kiểm tra, quản lý, lưu trữ Hồ sơ chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ COKE giao nhận theo quy định của Hợp đồng này và Hợp đồng giữa Bên A và Bên C;

1.10. Cùng Bên C đối chiếu, thống nhất, lập, ký xác nhận Biên bản thống nhất quy cách, chất lượng chính thức của lô hàng giao nhận theo các quy định của Hợp đồng này; Hợp đồng giữa Bên A và Bên C;

1.11. Các nội dung khác (nếu có) theo thông báo của VIMICO gửi CISCO và/hoặc theo thỏa thuận khác (nếu có) thể hiện tại hợp đồng mua bán COKE ký giữa Bên A và Bên C;

2. Khối lượng, chất lượng COKE thực tế giao nhận được CISCO và Bên C cùng thống nhất, xác nhận sẽ đồng thời là khối lượng, chất lượng COKE thực tế giao nhận được CISCO và Bên A xác nhận và sẽ là căn cứ để các Bên (A&B; B&C) xác định, thống nhất giá trị COKE mua bán chính thức giữa VIMICO và CISCO theo hợp đồng này; đồng thời, cũng là căn cứ để xác định, thống nhất giá trị COKE mua bán chính thức giữa Bên A và Bên C.

3. VIMICO có toàn quyền tự quyết định thay đổi một hoặc toàn bộ nội dung, phạm vi ủy quyền nêu trên nếu thấy cần thiết vào bất kỳ thời điểm nào mà nội dung, phạm vi công việc ủy quyền chưa diễn ra.

Điều 8. Bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại Khoản 1 Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia

trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo, Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng, v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại Khoản 5 Điều này.

4. Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách nhiệm. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại Khoản 5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 9. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

1. Luật điều chỉnh: Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

2. Giải quyết tranh chấp:

Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc, thương lượng, đàm phán để giải quyết trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu không giải quyết được thì trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày thúc thương lượng, đàm phán không thành, một trong hai Bên đều có quyền đệ đơn đến Tòa án (hoặc Trọng tài) có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa (hoặc Trọng tài) là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai Bên. Chi phí giải quyết vụ việc tại Tòa án hoặc Trọng tài (bao gồm cả phí thuê Luật sư) do Bên thua kiện chi trả.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký kết và hết hiệu lực theo thỏa thuận, thống nhất của hai Bên được thể hiện tại Biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng (hoặc văn bản có ý nghĩa, giá trị tương tự).

Điều 11. Các điều khoản khác

1. Không bên nào có quyền sửa đổi, bổ sung hợp đồng này khi không có sự đồng ý của bên kia. Mọi sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được hai bên đồng ý bằng văn bản.

2. Nếu bên nào đơn phương thay đổi hoặc vi phạm các điều khoản của hợp đồng hoặc huỷ bỏ, chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng và không được sự đồng ý của bên kia thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại cho bên kia.

3. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản để cùng thực hiện.

ĐỂ LÀM BẰNG, các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng vào ngày tháng năm ghi tại phần phía trên Hợp đồng này./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

Trịnh Văn Tuệ

Nguyễn Văn Phương